| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**THỊ XÃ DĨ AN**<br>TỈNH BÌNH DƯƠNG | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 31/2018/HNGĐ-ST
Ngày 29-3-2018
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ DĨ AN**

***- Thành phần Hội Đ xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Bà Trần Thị Kim Hoa

*Các Hội thẩm nhân dân*:

Bà Nguyễn Thụy Vân Hà.

Ông Phan Văn Cường.

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Thương-Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

***- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Dĩ An tham gia phiên tòa:*** Bà Đặng Thị Huyền - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 3 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 929/2017/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 11 năm 2017 về tranh chấp ly hôn, nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 18/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 23 tháng 02 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 15/2018/QĐST-HNGĐ ngày 12 tháng 3 năm 2018, giữa các đương sự:

*1. Nguyên đơn:* Chị Trần Thị Thanh T, sinh năm 1972; địa chỉ thường trú: 4/1 kp T, phường Đ, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương. Có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

*2. Bị đơn:* Anh Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1971; địa chỉ thường trú: 4/1 kp T, phường Đ, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương. Vắng mặt.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Tại đơn khởi kiện đề ngày 09 tháng 11 năm 2017 và quá trình tố tụng nguyên đơn chị Trần Thị Thanh T trình bày:*

- *Về hôn nhân:* Chị và anh Đ tự nguyện tìm hiểu nhau một thời gian thì tự nguyện chung sống và tổ chức đám cưới vào năm 2000 nhưng đến năm 2012 mới đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Đ, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình

Dương theo giấy chứng nhận kết hôn số 90/KH/2012 quyển số 01 ngày 22/6/2012.

Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống tại phường Đ, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương. Thời gian đầu sau khi cưới vợ chồng chung sống cũng bình thường nhưng sau đó thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh Đ không có trách nhiệm với vợ con, thường xuyên ăn nhậu, khi vợ con bệnh đau anh Đ cũng không chăm sóc, chị nhắc nhở thì anh Đ chửi và hành hung chị hoặc đập phá đồ đạc. Trong cuộc sống gia đình anh Đ cũng không chia sẻ, phụ giúp chị về tài chính, mọi chi phí trong gia đình đều do chị lo toan, gánh vác. Chị và anh Đ đã có thời gian sống ly thân một năm nay, không còn quan tâm chăm sóc nhau và cũng không còn cùng nhau chăm sóc con chung. Nay chị xác định tình cảm không còn nên yêu cầu được ly hôn với anh Đ.

*Về con chung:* Vợ chồng có 02 con chung tên Nguyễn Trần Tú U, sinh ngày 13/4/2003 và Nguyễn Trần Tú P, sinh ngày 28/5/2008. Sau ly hôn chị yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung và không yêu cầu anh Đ thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

*Tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản:* không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Đối với bị đơn anh Nguyễn Văn Đ:* Tòa án đã triệu tập hợp lệ để cung cấp bản tự khai, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải vào ngày 25/12/2017, 16/01/2018; tham gia phiên tòa vào các ngày 12/3/2018 và ngày 29/3/2018 nhưng vắng mặt không có lý do nên không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của chị T, anh Đ cũng không cung cấp tài liệu chứng cứ cho Tòa án.

Tại biên bản xác minh nguyên nhân mâu thuẫn giữa chị T và anh Đ do Tòa án tiến hành ngày 25/12/2017, chính quyền địa phương cung cấp thông tin như sau: Chị T và anh Đ có sinh sống tại đại phương, trước khi nộp đơn khởi kiện xin ly hôn tại Tòa án chị T không yêu cầu chính quyền địa phương tổ chức hòa giải cơ sở. Quá trình chung sống thực tế mâu thuẫn giữa hai vợ chồng, vấn đề chăm sóc, nuôi dạy con chung như thế nào chính quyền địa phương không nắm rõ vì không thấy đại diện của chính quyền địa phương phản ánh hay cung cấp thông tin gì, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

- Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Dĩ An tham gia phiên tòa:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán được phân công thụ lý, giải quyết vụ án đã được thực hiện đúng, đầy đủ theo quy định tại Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự, tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

Sự chấp hành pháp luật của đương sự: Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự và các quy định pháp luật liên quan. Bị đơn vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án.

Sau khi nghiên cứu hồ sơ vụ án nhận thấy yêu cầu ly hôn và được nuôi con của nguyên đơn là có cơ sở theo quy định pháp luật, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được công bố tại phiên tòa, Tòa án nhân dân thị xã Dĩ An nhận định:

[1] Chị Trần Thị Thanh T nộp đơn yêu cầu giải quyết việc hôn nhân, con chung giữa chị với anh Nguyễn Văn Đ, địa chỉ thường trú tại: 4/1 kp T, phường Đ, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương. Vì vậy, đây là vụ án tranh chấp ly hôn, nuôi con thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Dĩ An theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

[2] Tòa án đã triệu tập hợp lệ đối với bị đơn anh Nguyễn Văn Đ tham gia phiên tòa vào các ngày 12/3/2018 và ngày 29/3/2018, anh Đ vắng mặt không có lý do, chị Trần Thị Thanh T có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt đề ngày 16/01/2018. Căn cứ Điều 227 và 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự Tòa án xét xử vắng mặt chị T và anh Đ.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị Thanh T và anh Nguyễn Văn Đ là vợ chồng có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 09/KH/2012 quyển số 01 ngày 22/6/2012 tại Ủy ban nhân dân phường Đ, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương nên là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

[4] Xét, mục đích của hôn nhân là nhằm xây dựng gia đình no ấm, bình đẳng, hạnh phúc; để đạt được mục đích đó vợ chồng phải chung thủy, thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ và tạo điều kiện cho nhau phát triển về mọi mặt. Theo lời trình bày của chị T thì quá trình chung sống vợ chồng chị không có hạnh phúc vì anh Đ không quan tâm chăm sóc các thành viên trong gia đình, không chia sẻ, hỗ trợ chị T trong vấn đề tài chính, khi chị T góp ý để nhằm mục đích xây dựng gia đình ấm no hạnh phúc, anh Đ không tiếp thu mà còn có hành vi bạo lực gia đình, hủy hoại đập phá đồ đạc trong gia đình.

Sau khi Tòa án thụ lý vụ án và nhiều lần triệu tập anh Nguyễn Văn Đ đến tham gia tố tụng để hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng anh Nguyễn Văn Đ không có mặt, vợ chồng anh chị đã có thời gian ly thân một năm nay. Điều này chứng tỏ tình cảm vợ chồng của anh, chị đã thực sự không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, yêu cầu xin ly hôn của chị T là có cơ sở chấp nhận theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[5] Về con chung: Chị T, anh Đ có 02 con chung là Nguyễn Trần Tú U, sinh ngày 13/4/2003 và Nguyễn Trần Tú P, sinh ngày 28/5/2008. Chị T có nguyện vọng được nuôi cả 2 con chung sau khi ly hôn. Xét, quá trình tố tụng anh Đ không có ý kiến về vấn đề nuôi con chung và mức cấp dưỡng nuôi con, bản thân cháu Tú U và Tú P là con gái đang trong giai đoạn phát triển tâm sinh lý nên rất cần có sự chăm sóc, giáo dục của mẹ và quá trình vợ chồng còn chung sống thì mọi sinh hoạt, nuôi dạy con đều do chị T thực hiện, anh Đ không quan tâm chăm sóc các cháu. Ngoài ra chị T cũng có công việc và thu nhập ổn định nên có điều kiện đảm bảo tốt sự phát triển về mọi mặt cho cháu Tú U và Tú P. Vì vậy, yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung của chị T là phù hợp quy định tại khoản 3 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 và cũng đáp ứng được nguyện vọng được chung sống cùng mẹ sau khi bố mẹ ly hôn của cháu Tú U và Tú P.

[6] Về cấp dưỡng nuôi con: Ghi nhận sự tự nguyện của chị Trần Thị Thanh T không yêu cầu anh Nguyễn Văn Đ cấp dưỡng nuôi con.

[7] Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Đương sự không yêu cầu nên Tòa án không giải quyết.

Từ những phân tích trên, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Dĩ An là có cơ sở chấp nhận.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị T phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 4 Điều 147, các Điều 227, 228, 235, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 15, 51, 56, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*1. Về quan hệ hôn nhân:* Chị Trần Thị Thanh T được ly hôn với anh Nguyễn Văn Đ.

*2. Về con chung:*

2.1. Giao con chung tên Nguyễn Trần Tú U, sinh ngày 13/4/2003 và Nguyễn Trần Tú P, sinh ngày 28/5/2008 cho chị Trần Thị Thanh T trực tiếp nuôi dưỡng.

Sau khi ly hôn chị T và anh Đ đều có quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo quy định của pháp luật. Chị T phải tạo điều kiện cho anh Đ trong việc thăm nom, chăm sóc con. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc hai bên Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

2.2. Cấp dưỡng nuôi con: Anh Nguyễn Văn Đ không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

*3. Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản (nợ chung):* Đương sự không yêu cầu, Tòa án không giải quyết.

*4. Về án phí:* Chị Trần Thị Thanh T phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn ) đồng án phí ly hôn được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0010420 ngày 22 tháng 11 năm 2017 của Chi cục Thi hành án Dân sự thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

***Nơi nhận:***
- Đương sự (2);
- VKSND thị xã Dĩ An (1);
- CC THADS thị xã Dĩ An (1);
- TAND tỉnh Bình Dương (1);
- UBND phường Đ, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương (1);
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án (2).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trần Thị Kim Hoa**